TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/DS-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kết.

2. Ông Nguyễn Văn Còn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Văn V, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú: Số X, ấp BT, xã BTĐ, huyện T1, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Q, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: Số Y, đường NTT, khu phố BH, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Số W, ấp BH, xã BTĐ, huyện T1, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đinh Văn V do bà Võ Thị Q đại diện trình bày: Ông Đinh Văn V có cho bà Lê Thị Ngọc D vay tiền nhiều lần, cụ thể các khoản vay như sau:

Ngày 08/01/2021 vay 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 30/4/2021;

Ngày 06/02/2021 vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 30/4/2021;

Ngày 16/02/2021 vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 30/4/2021;

Ngày 18/3/2021 vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 30/4/2021;

Ngày 28/3/2021 vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thoài hạn trả nợ đến ngày 30/4/2021.

Các lần vay tiền nêu trên đều có lập thành văn bản là các "Giấy mượn tiền" đề ngày 08/01/2021, ngày 06/02/2021, ngày 16/02/2021 và ngày 28/3/2021 đều có chữ ký và ghi rõ họ tên của bà Lê Thị Ngọc D. Tuy nhiên, đã hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong các "Giấy mượn tiền" nhưng bà D vẫn chưa trả cho ông V số tiền nợ vay và tiền lãi nào nên ông V làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc D phải trả cho ông V số tiền nợ vay là 40.000.000 đồng + 30.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 10.000.000 đồng + 20.000.000 đồng = 110.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 0,8%/tháng, từ ngày 01/5/2021 đến ngày 01/6/2022 là 13 tháng: 110.000.000 đồng x 0,8%/tháng x 13 tháng = 11.440.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc D trong suốt quá trình tố tụng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn V nhưng bà D không có yêu cầu phản tố, hay ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của ông V.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa àn không hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị Q đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đinh Văn V khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc D trả tiền nợ vay, bị đơn bà Lê Thị Ngọc D hiện đang cư trú tại xã BTĐ, huyện T1, tỉnh Long An theo xác nhận ngày 05/7/2022 của Công an xã BTĐ, huyện T1, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai những vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Lê Thị Ngọc D. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, bà D đều vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn V yêu cầu bà Lê Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là 110.000.000 đồng, thấy rằng: Ông V đã cung cấp các "Giấy mượn tiền" vào các ngày 08/01/2021, 06/02/2021, 16/02/2021, 18/3/2021 và ngày 28/3/2021 đều có chữ ký và ghi rõ họ tên của bà Lê Thị Ngọc D để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Trong các "Giấy mượn tiền" ngày 08/01/2021 vay 40.000.000 đồng, ngày 06/02/2021 vay 30.000.000 đồng, ngày 16/02/2021 vay 20.000.000 đồng, ngày 28/3/2021 vay 20.000.000 đồng. Các "Giấy mượn tiền" này đều thể hiện nội dung thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả nợ cùng ngày 30/4/2021. Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn không nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện cung cấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bà Lê Thị Ngọc D có vay của ông Đinh Văn V nhiều lần với tổng cộng số tiền vay là 110.000.000 đồng; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các khoản vay đều có cùng thời hạn trả nợ là ngày 30/4/2021 nhưng bà D không trả các khoản nợ vay khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận trong các "Giấy mượn tiền" là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông V khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc D trả số tiền nợ vay là 110.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của ông V với lãi suất 0,8%/tháng, tính từ ngày 01/5/2021 đến 01/6/2022, thấy rằng: Nội dung các "Giấy mượn tiền" có thỏa

thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả là ngày 30/4/2021 nên giao dịch vay tài sản giữa ông V và bà D được xác định là vay có kỳ hạn và có lãi, theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 bà D phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc tương ứng với thời hạn vay và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Tuy nhiên, ông V yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,8%/tháng, tình từ ngày 01/5/2021 đến ngày 01/6/2022 (13 tháng) là có lợi cho bị đơn và cũng phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Lê Thị Ngọc D phải trả cho ông Đinh Văn V số tiền lãi chậm trả là 11.440.000 đồng.

[6] Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn V là có cơ sở, được chấp nhận toàn bộ, Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Văn V số tiền nợ vay và tiền lãi là 110.000.000 đồng + 11.440.000 đồng = 121.440.000 đồng.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc D phải chịu 6.072.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, ông Đinh Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 96, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn V về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Lê Thị Ngọc D.

Buộc bà Lê Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Văn V số tiền nợ vay là 110.000.000 đồng, tiền lãi là 11.440.000 đồng, tổng cộng là 121.440.000 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của

Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Đinh Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông V số tiền 3.036.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007444 ngày 02/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Bà Lê Thị Ngọc D phải chịu 6.072.000 đồng (Sáu triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hoàng Dung